



PHIẾU XỬ LÝ CÔNG VĂN ĐẾN

Kính trình Ông:

- Ông cho ý kiến xử lý CV đến số:309.....ngày.....27.....tháng.....6..... năm 2023

Số văn bản 2242 ngày 14/6...; Cơ quan gửi: Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh HB

- Công văn đến các đơn vị trực thuộc số:ngày.....tháng.....năm 2023

Cơ quan gửi:

Ý kiến xử lý của Lãnh Đạo Công ty:

Chủ tịch HĐQT:	Chữ ký:
.....	/...../2023
Thời hạn giải quyết trước:	/...../2023
Giám đốc: <u>B/C HĐQT, KSV</u> <u>Chị A-Tru - P. Gb Cty Chủ đạo làm thủ tục kiểm soát</u>	Chữ ký:
.....	
Thời hạn giải quyết trước:	<u>27</u> / <u>6</u> / 2023
- Ban 1 Lưu hồ sơ, P/H P. KTKH, TCKT, QLKT, DT, PC hoàn thiện các quy trình, thủ tục đảm bảo đủ điều kiện kinh doanh dự án tính thẩm định và phê duyet.	Chữ ký:
.....	 <u>27/6/2023.</u>

UBND TỈNH HOÀ BÌNH
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2242/STNMT-QLĐĐ

V/v thông báo kết quả kiểm tra hiện trạng sử dụng đất, điều kiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất (đợt 1) dự án Khu nhà ở tại xóm Mỏ, thị trấn Lương Sơn, huyện Lương Sơn.

Hoà Bình, ngày 14 tháng 6 năm 2023

CTY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
DỊCH VỤ NHÀ Ở & KHU ĐÔ THỊ

ĐẾN

Số: 309

Ngày: 27/6

Kính gửi: Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ nhà ở và khu đô thị.

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 Sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 35/2021/QĐ-UBND ngày 05/8/2021 của UBND tỉnh Hòa Bình Ban hành Quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hòa Bình.

Xét đề nghị của Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị tại Văn bản số 396/VB-HUDS ngày 19/5/2023 về việc xác nhận dự án đủ điều kiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho người dân tự xây nhà ở tại dự án Khu nhà ở tại xóm Mỏ, thị trấn Lương Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

Trên cơ sở hồ sơ và kết quả kiểm tra thực địa ngày 22/5/2023, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo kết quả kiểm tra hiện trạng sử dụng đất, điều kiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất (đợt 1) của dự án Khu nhà ở tại xóm Mỏ, thị trấn Lương Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình theo quy định tại Khoản 17, Điều 1, Nghị định số 148/NĐ-CP ngày 18/12/2020 và Khoản 11 Điều 1 Nghị định 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai, như sau:

1. Căn cứ pháp lý:

- Văn bản số 1384/UBND-NNTN ngày 06/10/2017 của UBND tỉnh Hòa Bình về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu nhà ở tại xóm Mỏ, thị trấn Lương Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình;

- Quyết định số 580/QĐ-UBND ngày 22/3/2019 của UBND tỉnh Hòa Bình về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư Dự án Khu nhà ở tại xóm Mỏ, thị trấn Lương Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình;

- Hợp đồng số 07/2019/HĐ-ĐTDA ngày 10/4/2019 giữa Sở Xây dựng tỉnh Hòa Bình với Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ nhà ở và khu đô thị về việc thực hiện đầu tư Dự án Khu nhà ở tại xóm Mỏ, thị trấn Lương Sơn,

huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình; Phụ lục Hợp đồng số 03/2021/PLHĐ-ĐTDA ngày 09/6/2021;

- Quyết định số 2364/QĐ-UBND ngày 30/10/2019 của UBND tỉnh Hòa Bình về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu nhà ở tại xóm Mỏ, thị trấn Lương Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình;

- Quyết định số 951/QĐ-UBND ngày 28/4/2020 của UBND tỉnh Hòa Bình về việc Ban hành Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu nhà ở tại xóm Mỏ, thị trấn Lương Sơn, huyện Lương Sơn;

- Quyết định số 3211/QĐ-UBND ngày 19/11/2020 của UBND tỉnh Hòa Bình về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Khu nhà ở tại xóm Mỏ, thị trấn Lương Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình;

- Quyết định số 3305/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 của UBND tỉnh Hòa Bình về việc chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất và cho Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ nhà ở và khu đô thị thuê đất (đợt 1) thực hiện dự án Khu nhà ở tại xóm Mỏ, thị trấn Lương Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình;

- Quyết định số 2758/QĐ-UBND ngày 25/11/2021 của UBND tỉnh Hòa Bình về việc phê duyệt giá đất, giá đất cụ thể thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trả tiền hàng năm dự án Khu nhà ở tại xóm Mỏ, thị trấn Lương Sơn, huyện Lương Sơn (đợt 1); Quyết định số 2994/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh Hòa Bình về việc điều chỉnh Quyết định số 2758/QĐ-UBND ngày 25/11/2021; Quyết định số 571/QĐ-UBND ngày 28/3/2023 về việc điều chỉnh Quyết định số 2994/QĐ-UBND ngày 14/12/2021;

- Văn bản số 2241/UBND-KTN ngày 19/12/2022 của UBND tỉnh Hòa Bình về việc cho phép chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho người dân tự xây dựng nhà ở (đợt 1) của dự án Dự án Khu nhà ở tại xóm Mỏ, thị trấn Lương Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình (đợt 1);

- Thông báo số 1003/TB-SXD ngày 13/4/2023 của Sở Xây dựng tỉnh Hòa Bình về việc Thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng dự án Khu nhà ở tại xóm Mỏ, thị trấn Lương Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

2. Về việc thực hiện nghĩa vụ tài chính:

Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ nhà ở và khu đô thị đã nộp đủ số tiền sử dụng đất nộp vào ngân sách Nhà nước là 227.689.280.345 đồng (theo yêu cầu tại Thông báo số 7336/CTHBI-HKDCN ngày 08/12/2021 của Cục thuế tỉnh Hòa Bình về việc Nộp tiền sử dụng đất).

3. Về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất:

Ngày 18/01/2023, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hòa Bình đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ nhà ở và khu đô thị đối với 285 thửa đất.

4. Kết quả kiểm tra hiện trạng sử dụng đất, điều kiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất:

Ngày 22/5/2023, Sở Tài nguyên và Môi trường đã phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra tại thực địa của dự án. Qua kiểm tra, khu đất đã được đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt, đảm bảo kết nối với hệ thống hạ tầng chung của khu vực và đã được Sở Xây dựng chấp thuận kết quả nghiệm để đưa vào sử dụng đối với phần hạ tầng kỹ thuật trong phạm vi diện tích đất được giao đợt I (70.896,4 m²) tại Quyết định số 3305/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 của UBND tỉnh Hòa Bình gồm: phần san nền; hệ thống đường giao thông; hệ thống cấp nước sinh hoạt, thoát nước mưa, thoát nước thải, PCCC, chiếu sáng, công viên, cây xanh tại Thông báo số 1003/TB-SXD ngày 13/4/2023.

Theo quy định tại Khoản 17, Điều 1, Nghị định số 148/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ: “Điều 41. Điều kiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất trong dự án đầu tư xây dựng kinh doanh nhà ở để bán hoặc để bán kết hợp cho thuê:

1. Điều kiện dự án đầu tư xây dựng kinh doanh nhà ở để bán hoặc để bán kết hợp cho thuê được chuyển nhượng quyền sử dụng đất dưới hình thức phân lô, bán nền, bao gồm:

a) Chủ đầu tư dự án phải hoàn thành việc đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng gồm các công trình dịch vụ, công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội theo quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 đã được phê duyệt; đảm bảo kết nối với hệ thống hạ tầng chung của khu vực trước khi thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho người dân tự xây dựng nhà ở; đảm bảo cung cấp các dịch vụ thiết yếu gồm cấp điện, cấp nước, thoát nước, thu gom rác thải;

b) Chủ đầu tư phải hoàn thành nghĩa vụ tài chính liên quan đến đất đai của dự án gồm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; thuế, phí, lệ phí liên quan đến đất đai (nếu có);

c) Dự án thuộc khu vực, loại đô thị được chuyển nhượng quyền sử dụng đất dưới hình thức phân lô, bán nền quy định tại khoản 2 Điều này;

d) Các điều kiện khác theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị, xây dựng, phát triển đô thị, kinh doanh bất động sản và nhà ở.

2. Chủ đầu tư dự án xây dựng kinh doanh nhà ở để bán hoặc để bán kết hợp cho thuê được chuyển nhượng quyền sử dụng đất dưới hình thức phân lô, bán nền tại khu vực không nằm trong địa bàn các phường của các đô thị loại đặc biệt và đô thị loại I trực thuộc Trung ương; khu vực có yêu cầu cao về kiến trúc cảnh quan, khu vực trung tâm và xung quanh các công trình là điểm nhấn kiến trúc trong đô thị; mặt tiền các tuyến đường cấp khu vực trở lên và các tuyến đường cảnh quan chính trong đô thị.”

Mục 1, Văn bản số 2241/UBND-KTN ngày 19/12/2022 của UBND tỉnh về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho người dân tự xây dựng nhà ở tại

dự án Khu nhà ở tại xóm Mỏ, thị trấn Lương Sơn, huyện Lương Sơn: “1. Đối với 285 thửa đất (trong đó: 221 lô đất liền kề, tổng diện tích 19591,5 m²; 64 lô đất Biệt thự, tổng diện tích đất 16529,6 m²) tại dự án Khu nhà ở tại xóm Mỏ, thị trấn Lương Sơn, huyện Lương Sơn việc chuyển quyền sử dụng đất chỉ được tiến hành sau khi khu vực dự kiến thực hiện chuyển quyền sử dụng đất đã hoàn thành việc giải phóng mặt bằng, không còn các công trình hiện trạng trên đất và được đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật thiết yếu (đường giao thông, các tuyến cấp điện, chiếu sáng, thông tin viễn thông, cấp thoát nước), cây xanh, công viên và hạ tầng xã hội khác theo quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt, đảm bảo kết nối với hệ thống hạ tầng chung của khu vực trước khi thực hiện việc chuyển quyền sử dụng đất cho người dân tự xây dựng nhà ở; đảm bảo cung cấp các dịch vụ thiết yếu cho người dân khi đến ở.”

Như vậy, 285 thửa đất ở đề nghị chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại dự án Khu nhà ở tại xóm Mỏ, thị trấn Lương Sơn, huyện Lương Sơn, hiện đã được đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch chi tiết xây dựng đã được phê duyệt, đảm bảo kết nối với hệ thống hạ tầng chung của khu vực, đủ điều kiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định (có danh sách chi tiết kèm theo).

Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo để Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ nhà ở và khu đô thị biết, thực hiện các thủ tục theo quy định./.

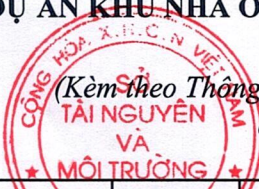
Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (Đề b/c);
- UBND huyện Lương Sơn;
- Giám đốc Sở;
- Văn phòng ĐKĐĐ;
- Lưu: VT, CCQLĐĐ.Sa.



Bùi Quang Toàn

**DANH SÁCH CÁC THỪA ĐẤT ĐỦ ĐIỀU KIỆN CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
(ĐỢT 1) TẠI DỰ ÁN KHU NHÀ Ở TẠI XÓM MỎ THỊ TRẦN LƯƠNG SƠN, HUYỆN LƯƠNG SƠN,
TỈNH HÒA BÌNH**



(Kèm theo Thông báo số **2242**/STNMT-QLĐĐ ngày **14/06/2023**
của Sở Tài nguyên và Môi trường)

Stt	Tên người sử dụng, quản lý đất	Loại đất	Tờ bản đồ	Thửa đất	Diện tích	Số vào sổ cấp GCN (CT)	Mã số (ID)
1	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	519	85	CT11116	DI866107
2	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	516	85	CT11117	DI866117
3	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	515	85	CT11118	DI866119
4	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	512	85	CT11119	DI866118
5	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	511	85	CT11120	DI866120
6	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	510	85	CT11402	DI866121
7	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	509	85	CT11121	DI866123
8	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	508	85	CT11122	DI866122
9	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	507	85	CT11123	DI866125
10	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	504	109.6	CT11124	DI866124
11	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	505	93.8	CT11179	DI866126
12	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	506	95.9	CT11178	DI866127
13	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-d-II)	153	98	CT11177	DI866128
14	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-d-II)	154	100.4	CT11176	DI866130

Stt	Tên người sử dụng, quản lý đất	Loại đất	Tờ bản đồ	Thửa đất	Diện tích	Số vào sổ cấp GCN (CT)	Mã số (ID)
15	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-d-II)	155	126.2	CT11175	DI866129
16	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-d-II)	152	85	CT11174	DI866132
17	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-d-II)	151	85	CT11173	DI866131
18	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-d-II)	150	85	CT11172	DI866137
19	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-d-II)	149	85	CT11171	DI866136
20	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-d-II)	148	85	CT11170	DI866135
21	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	513	85	CT11169	DI866134
22	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	514	85	CT11168	DI866133
23	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	517	85	CT11167	DI866112
24	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	518	85	CT11166	DI866138
25	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	536	111	CT11401	DI866116
26	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	534	85	CT11165	DI866115
27	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	533	85	CT11163	DI866114
28	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	530	85	CT11162	DI866113
29	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	529	85	CT11161	DI866166
30	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	526	85	CT11160	DI866165

Stt	Tên người sử dụng, quản lý đất	Loại đất	Tờ bản đồ	Thửa đất	Diện tích	Số vào sổ cấp GCN (CT)	Mã số (ID)
31	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	525	85	CT11158	DI866141
32	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	522	85	CT11157	DI866140
33	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	521	85	CT11159	DI866139
34	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	520	85	CT11156	DI866172
35	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	523	85	CT11155	DI866171
36	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	524	85	CT11154	DI866170
37	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	527	85	CT11153	DI866169
38	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	528	85	CT11152	DI866168
39	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	531	85	CT11151	DI866167
40	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	532	85	CT11150	DI866143
41	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	535	85	CT11149	DI866142
42	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	537	111	CT11148	DI866175
43	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	462	104	CT11147	DI866174
44	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	465	80	CT11146	DI866173
45	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	466	80	CT11145	DI866145
46	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	469	80	CT11144	DI866144

Stt	Tên người sử dụng, quản lý đất	Loại đất	Tờ bản đồ	Thửa đất	Diện tích	Số vào sổ cấp GCN (CT)	Mã số (ID)
47	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	470	80	CT11143	DI866308
48	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	473	80	CT11142	DI866309
49	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	474	80	CT11141	DI866310
50	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	477	80	CT11140	DI866146
51	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	478	80	CT11138	DI866155
52	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	481	80	CT11139	DI866153
53	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	482	80	CT11137	DI866152
54	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	485	80	CT11134	DI866150
55	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	486	80	CT11135	DI866156
56	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	489	80	CT11133	DI866159
57	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	490	80	CT11132	DI866158
58	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	493	80	CT11131	DI866157
59	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	494	80	CT11130	DI866154
60	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	497	80	CT11129	DI866162
61	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	498	103.6	CT11128	DI866161
62	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	499	103.6	CT11127	DI866160

Stt	Tên người sử dụng, quản lý đất	Loại đất	Tờ bản đồ	Thửa đất	Diện tích	Số vào sổ cấp GCN (CT)	Mã số (ID)
63	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	500	105.8	CT11126	DI866108
64	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	501	107.9	CT11125	DI866109
65	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	502	110.5	CT11219	DI866110
66	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	503	117.1	CT11218	DI866111
67	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	496	80	CT11217	DI866103
68	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	495	80	CT11216	DI866102
69	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	492	80	CT11215	DI866101
70	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	491	80	CT11214	DI866105
71	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	488	80	CT11213	DI866104
72	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	487	80	CT11212	DI866106
73	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	484	80	CT11211	DI866164
74	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	483	80	CT11210	DI866163
75	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	480	80	CT11209	DI866177
76	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	479	80	CT11208	DI866176
77	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	476	80	CT11207	DI866151
78	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	475	80	CT11206	DI866180

Stt	Tên người sử dụng, quản lý đất	Loại đất	Tờ bản đồ	Thửa đất	Diện tích	Số vào sổ cấp GCN (CT)	Mã số (ID)
79	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	472	80	CT11205	DI866179
80	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	471	80	CT11203	DI866178
81	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	468	80	CT11204	DI866181
82	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	467	80	CT11202	DI866188
83	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	464	80	CT11201	DI866187
84	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	463	104	CT11200	DI866186
85	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	443	80	CT11199	DI866301
86	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	440	80	CT11198	DI866302
87	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	439	80	CT11197	DI866303
88	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	436	80	CT11196	DI866325
89	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	435	80	CT11195	DI866326
90	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	432	80	CT11194	DI866327
91	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	431	80	CT11193	DI866328
92	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	424	103.8	CT11192	DI866190
93	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	425	103.3	CT11191	DI866189
94	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	426	105.5	CT11190	DI866066

Stt	Tên người sử dụng, quản lý đất	Loại đất	Tờ bản đồ	Thửa đất	Diện tích	Số vào sổ cấp GCN (CT)	Mã số (ID)
95	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	427	107.6	CT11189	DI866065
96	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	428	109.8	CT11188	DI866064
97	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	429	117.4	CT11187	DI866063
98	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	430	80	CT11186	DI866200
99	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	433	80	CT11185	DI866199
100	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	434	80	CT11184	DI866198
101	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	437	80	CT11183	DI866197
102	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	438	80	CT11182	DI866196
103	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	441	80	CT11181	DI866195
104	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	442	80	CT11180	DI866194
105	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	460	104	CT11288	DI866311
106	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	459	80	CT11287	DI866069
107	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	456	80	CT11286	DI866068
108	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	455	80	CT11285	DI866067
109	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	452	80	CT11284	DI866074
110	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	451	80	CT11283	DI866073

Stt	Tên người sử dụng, quản lý đất	Loại đất	Tờ bản đồ	Thửa đất	Diện tích	Số vào sổ cấp GCN (CT)	Mã số (ID)
111	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	448	80	CT11282	DI866072
112	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	447	80	CT11281	DI866071
113	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	444	80	CT11280	DI866070
114	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	445	80	CT11279	DI866081
115	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	446	80	CT11278	DI866080
116	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	449	80	CT11276	DI866091
117	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	450	80	CT11275	DI866090
118	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	453	80	CT11274	DI866089
119	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	454	80	CT11273	DI866088
120	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	457	80	CT11272	DI866087
121	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	458	80	CT11271	DI866086
122	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	461	104	CT11270	DI866085
123	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	404	84.8	CT11269	DI866084
124	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	405	82.5	CT11268	DI866083
125	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	406	82.5	CT11267	DI866082
126	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	407	82.5	CT11266	DI866098

Stt	Tên người sử dụng, quản lý đất	Loại đất	Tờ bản đồ	Thửa đất	Diện tích	Số vào sổ cấp GCN (CT)	Mã số (ID)
127	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	408	82.5	CT11265	DI866097
128	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	409	82.5	CT11264	DI866096
129	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	410	82.5	CT11263	DI866095
130	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	411	82.5	CT11262	DI866019
131	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	412	82.5	CT11261	DI866018
132	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	413	82.5	CT11260	DI866017
133	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	414	82.5	CT11259	DI866016
134	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	415	82.5	CT11258	DI866015
135	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	416	82.5	CT11257	DI866013
136	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	417	82.5	CT11256	DI866100
137	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	418	82.5	CT11255	DI866099
138	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	419	82.5	CT11254	DI866049
139	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	420	82.5	CT11253	DI866048
140	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	421	82.5	CT11252	DI866047
141	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	422	82.5	CT11251	DI866046
142	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	423	113.6	CT11250	DI866062

Stt	Tên người sử dụng, quản lý đất	Loại đất	Tờ bản đồ	Thửa đất	Diện tích	Số vào sổ cấp GCN (CT)	Mã số (ID)
143	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	299	80	CT11249	DI866061
144	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	296	80	CT11248	DI866060
145	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	295	80	CT11247	DI866025
146	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	292	80	CT11246	DI866024
147	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	286	113	CT11245	DI866023
148	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	287	97.5	CT11244	DI866022
149	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	288	94.5	CT11243	DI866021
150	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	289	91.3	CT11242	DI866020
151	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	290	88.3	CT11241	DI866242
152	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	291	94.2	CT11240	DI866241
153	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	293	80	CT11239	DI866094
154	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	294	80	CT11238	DI866093
155	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	297	80	CT11237	DI866240
156	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	298	80	CT11236	DI866239
157	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	314	80	CT11235	DI866297
158	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	313	80	CT11234	DI866051

Stt	Tên người sử dụng, quản lý đất	Loại đất	Tờ bản đồ	Thửa đất	Diện tích	Số vào sổ cấp GCN (CT)	Mã số (ID)
159	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	310	80	CT11233	DI866050
160	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	309	80	CT11232	DI866236
161	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	306	80	CT11231	DI866235
162	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	305	80	CT11230	DI866234
163	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	302	80	CT11229	DI866233
164	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	301	80	CT11228	DI866232
165	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	300	80	CT11227	DI866231
166	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	303	80	CT11226	DI866300
167	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	304	80	CT11225	DI866299
168	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	307	80	CT11224	DI866244
169	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	308	80	CT11223	DI866243
170	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	311	80	CT11222	DI866040
171	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	312	80	CT11221	DI866039
172	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	315	80	CT11220	DI866038
173	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	327	127,7	CT11332	DI866037
174	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	324	80	CT11403	DI866036

Stt	Tên người sử dụng, quản lý đất	Loại đất	Tờ bản đồ	Thửa đất	Diện tích	Số vào sổ cấp GCN (CT)	Mã số (ID)
175	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	323	80	CT11331	DI866035
176	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	320	80	CT11330	DI866034
177	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	319	80	CT11329	DI866033
178	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	317	80	CT11328	DI866032
179	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	316	80	CT11327	DI866031
180	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	318	80	CT11326	DI866030
181	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	321	80	CT11325	DI866029
182	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	322	80	CT11324	DI866238
183	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	325	80	CT11323	DI866237
184	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	326	128,6	CT11322	DI866292
185	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	261	151,1	CT11321	DI866059
186	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	262	105	CT11320	DI866045
187	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	263	105	CT11319	DI866044
188	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	264	105	CT11318	DI866043
189	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	265	105	CT11317	DI866042
190	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	266	105	CT11316	DI866041

Stt	Tên người sử dụng, quản lý đất	Loại đất	Tờ bản đồ	Thửa đất	Diện tích	Số vào sổ cấp GCN (CT)	Mã số (ID)
191	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	267	105	CT11315	DI866286
192	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	268	105	CT11314	DI866285
193	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	269	105	CT11313	DI866284
194	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	270	105	CT11312	DI866283
195	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	271	105	CT11311	DI866282
196	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	272	105	CT11310	DI866296
197	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	273	105	CT11309	DI866295
198	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	274	105	CT11308	DI866294
199	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	275	105	CT11307	DI866293
200	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	276	105	CT11306	DI866028
201	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	277	105	CT11305	DI866027
202	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	278	105	CT11304	DI866026
203	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	279	105	CT11303	DI866291
204	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	280	105	CT11302	DI866290
205	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	281	105	CT11301	DI866289
206	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	282	105	CT11300	DI866288

Stt	Tên người sử dụng, quản lý đất	Loại đất	Tờ bản đồ	Thửa đất	Diện tích	Số vào sổ cấp GCN (CT)	Mã số (ID)
207	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	283	105	CT11299	DI866287
208	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	284	105	CT11298	DI866211
209	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	285	163	CT11297	DI866057
210	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	328	148.8	CT11296	DI866056
211	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	329	82.5	CT11295	DI866055
212	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	330	82.5	CT11294	DI866054
213	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	331	82.5	CT11293	DI866053
214	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	332	82.5	CT11292	DI866052
215	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	333	82.5	CT11291	DI866230
216	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	334	82.5	CT11290	DI866229
217	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	335	82.5	CT11289	DI866228
218	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	336	82.5	CT11359	DI866227
219	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	337	82.5	CT11358	DI866226
220	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	338	82.5	CT11357	DI866225
221	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	339	82.3	CT11356	DI866224
222	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	390	245.7	CT11355	DI866223

Stt	Tên người sử dụng, quản lý đất	Loại đất	Tờ bản đồ	Thửa đất	Diện tích	Số vào sổ cấp GCN (CT)	Mã số (ID)
223	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	388	245,8	CT11354	DI866222
224	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	387	245,7	CT11353	DI866221
225	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	384	245,8	CT11352	DI866220
226	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	383	245,8	CT11351	DI866219
227	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	380	291,9	CT11350	DI866218
228	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	381	342,5	CT11349	DI866217
229	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	382	264,3	CT11348	DI866216
230	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	385	264,3	CT11347	DI866215
231	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	386	264,2	CT11346	DI866214
232	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	389	264,4	CT11345	DI866213
233	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	391	264,3	CT11344	DI866212
234	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	402	287,4	CT11343	DI866266
235	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	401	245,7	CT11342	DI866265
236	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	398	245,7	CT11341	DI866261
237	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	397	245,7	CT11340	DI866260
238	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	394	245,7	CT11339	DI866259

Stt	Tên người sử dụng, quản lý đất	Loại đất	Tờ bản đồ	Thửa đất	Diện tích	Số vào sổ cấp GCN (CT)	Mã số (ID)
239	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	393	245,7	CT11338	DI866258
240	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	392	264,5	CT11337	DI866257
241	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	395	264,2	CT11336	DI866256
242	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	396	264,4	CT11335	DI866255
243	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	399	264,3	CT11334	DI866254
244	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	400	264,3	CT11333	DI866264
245	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	403	339	CT11400	DI866263
246	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	360	221,6	CT11399	DI866262
247	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	362	246,6	CT11398	DI866278
248	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	364	246,5	CT11397	DI866334
249	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	367	246,5	CT11396	DI866276
250	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	368	246,6	CT11395	DI866275
251	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	371	243,3	CT11394	DI866274
252	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	372	243,4	CT11393	DI866273
253	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	375	246,4	CT11392	DI866272
254	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	376	246,7	CT11391	DI866271

Stt	Tên người sử dụng, quản lý đất	Loại đất	Tờ bản đồ	Thửa đất	Diện tích	Số vào sổ cấp GCN (CT)	Mã số (ID)
255	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	379	223.1	CT11390	DI866329
256	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	378	282.7	CT11389	DI866330
257	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	377	265.9	CT11388	DI866331
258	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	374	265.4	CT11387	DI866267
259	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	373	268.1	CT11386	DI866247
260	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	370	268.4	CT11385	DI866281
261	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	369	265.9	CT11384	DI866206
262	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	366	266	CT11383	DI866205
263	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	365	265.9	CT11382	DI866280
264	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	363	266.2	CT11381	DI866279
265	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	361	281.6	CT11380	DI866332
266	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	357	299.3	CT11379	DI866333
267	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	356	227.4	CT11378	DI866207
268	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	353	227.2	CT11377	DI866204
269	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	352	227.3	CT11376	DI866203
270	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	349	227.3	CT11375	DI866202

Stt	Tên người sử dụng, quản lý đất	Loại đất	Tờ bản đồ	Thửa đất	Diện tích	Số vào sổ cấp GCN (CT)	Mã số (ID)
271	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	348	227.3	CT11374	DI866201
272	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	345	300.7	CT11373	DI866058
273	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	346	242.9	CT11372	DI866210
274	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	347	252.9	CT11371	DI866209
275	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	350	252.8	CT11370	DI866208
276	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	351	252.8	CT11369	DI866253
277	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	354	252.9	CT11368	DI866252
278	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	355	252.8	CT11367	DI866251
279	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	358	253	CT11366	DI866250
280	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	359	244.2	CT11365	DI866298
281	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	340	264.1	CT11364	DI866312
282	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	341	264.1	CT11363	DI866305
283	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	342	264.1	CT11362	DI866304
284	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	343	264.1	CT11361	DI866306
285	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị	ODT	F-48-116(146-b-IV)	344	264.3	CT11360	DI866307
	Tổng cộng				36,121.1		

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG